

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HC-ST

Ngày: 28 tháng 5 năm 2018

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Hồng Kỳ

2. Ông Hoàng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghiêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 58/2017/TLST-HC ngày 26/10/2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HC ngày 13/4/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HC ngày 27/4/2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Minh X – Phó Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Vũ Văn Q – Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện – ông Đỗ Văn H trình bày:

Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H, đất tọa lạc tại thôn L, xã C, huyện T*”.

Lý do:

Năm 1976, gia đình tôi (H) được Ban nông hội xã P (trước đây) giao 08 sào đất (8.000m²), gia đình tôi tiến hành khai hoang và sản xuất nông nghiệp đến năm 1988. Cũng trong năm 1988, ông Võ Văn M đến hỏi mua đất rẫy, gia đình tôi không bán. Ông M nói: nếu Dì không bán thì cho con mượn để con làm rẫy giùm cho Dì, gia đình tôi đồng ý cho ông M mượn. Ông M làm được 3-4 vụ rồi trả lại cho gia đình tôi.

Khi ông Võ Văn M không làm rẫy nữa, trong thời gian này, gia đình tôi vẫn lên thăm rẫy thường xuyên. Đến năm 1992, ông Bùi G qua nhà tôi mượn 03 sào đất (3.000m²) để sản xuất nông nghiệp. Ông G hứa khi nào gia đình tôi lấy lại đất rẫy thì ông trả (Hai bên không làm giấy mượn – trả rẫy). Năm 1996, ông G chiếm đất rẫy nhà tôi, ông cố ý xây nhà và đào giếng trên miếng đất mà ông mượn của gia đình tôi. Biết được việc xây dựng của ông G, gia đình tôi lên ngăn cản và hai bên xô xát. UBND xã P mời giải quyết vụ việc nhưng không thành. Trong 03 sào đất ông G mượn, gia đình tôi lấy lại được 1.518m², còn lại 1.482m² đang tranh chấp với ông Bùi G.

UBND xã P biết rõ đất của gia đình tôi đang tranh chấp với ông G chưa giải quyết xong mà năm 1997, địa chính xã P thông đồng với ông Bùi G tổ chức đo đạc đất để quy chủ mà không thông báo cho gia đình nhà tôi biết để làm thủ tục kê khai. Lúc này, địa chính xã đo luôn diện tích 1.482m² đất đang tranh chấp và xát nhập vào đất của ông G, do đó diện tích 1.482m² có trong hồ sơ địa chính của xã quy chủ cho ông Bùi G, gây bất lợi cho gia đình tôi khi tranh chấp. Sau khi xát nhập đất xong, ông G chia cho con rể là ông Nguyễn Văn D 575m², còn lại chia cho con ruột là Bùi Văn H 807m². Việc tranh chấp bắt đầu từ đây.

Vì vậy, nay tôi khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện T – Ông Diệp Minh X, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – Ông Vũ Văn Q, trình bày:

Ông Diệp Minh X tại bản trình bày ý kiến đề ngày 16/3/2018, ông Vũ Văn Q tại phiên tòa, trình bày:

Theo đơn tranh chấp đất đề ngày 11/9/2016, ông Đỗ Văn H trình bày: năm 1976, mẹ ông là bà Nguyễn Thị H được Ban nông hội xã P (trước đây) giao 08 sào đất (8.000m²) để canh tác tại khu vực thôn L, xã C hiện nay. Năm 1992, ông Bùi Văn G là cha ông Bùi Văn H mượn của gia đình ông H 03 sào đất (3.000m²) để sử dụng. Đến năm 2002, ông G chết thì để cho các con là ông Nguyễn Văn D (con rể) và ông Bùi Văn H tiếp tục sử dụng đất trên mà không trả lại đất cho gia đình ông. Hiện nay, đất của gia đình ông các con ông G đang làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Theo đơn tranh chấp đất đề ngày 21/11/2016, ông Bùi Văn H trình bày: Năm 1976, cha ông là ông Bùi Văn G khai hoang tại khu vực thôn L, xã C một vùng đất để sử dụng canh tác hoa màu và trồng một số cây ăn trái tại đây. Đến

năm 1997, nhà nước đo đạc bản đồ, cha ông kê khai diện tích khai hoang trước đây được 15.500m², được quy chủ và sử dụng ổn định đến nay. Sau đó, cha ông chia cho các con mỗi người một phần đất để sử dụng, ông được chia khoảng 3.000m² hiện sử dụng đến nay. Năm 2016, ông làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì ông Đỗ Văn H làm đơn gửi các cơ quan để tranh chấp với gia đình ông đến nay.

Sau khi tiếp nhận đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông H với ông H, UBND xã C tổ chức thẩm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các bên tranh chấp và hòa giải theo thẩm quyền nhưng kết quả không thành, đồng thời hướng dẫn các bên tranh chấp liên hệ cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Ông Đỗ Văn H tiếp tục gửi đơn đến UBND huyện T, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã tổ chức kiểm tra, xác minh, căn cứ theo hồ sơ địa chính và quá trình sử dụng đất nhận thấy: Diện tích **807m² đất (không phải 3 sào như ông H trình bày)** hiện ông H đang tranh chấp với ông H có nguồn gốc do cha mẹ ông H (ông Bùi Văn G) khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay. Sau khi ông G chết năm 2002 thì để lại cho con trai là ông H tiếp tục sử dụng. Ông H cho rằng diện tích đất tranh chấp do ông G mượn của gia đình ông để canh tác nhưng không cung cấp được bất cứ giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh và không có quá trình sử dụng đất. Do đó, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 91, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai không có cơ sở xem xét, giải quyết và công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn H theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Ngày 21/6/2017, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 652/QĐ-UBND về việc “*Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H, đất tọa lạc tại thôn L, xã C, huyện T*”, nội dung: Không công nhận việc ông Đỗ Văn H tranh chấp quyền sử dụng diện tích 807m², thuộc thửa số 163a (tách từ thửa số 3) tờ bản đồ địa chính số 27 xã C, tại thôn L, xã C, huyện T với ông Bùi Văn H.

Lý do: diện tích 807m², thuộc thửa số 163a (tách từ thửa số 3) tờ bản đồ địa chính số 27 tại thôn L, xã C có nguồn gốc do ông Bùi Văn G (cha ông H) khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1987. Sau khi ông G chết năm 2002 thì để lại cho con trai là ông Bùi Văn H tiếp tục sử dụng đến nay.

Ông H không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh quyền sử dụng thửa đất của gia đình ông. Gia đình ông H không có quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp. Ông H không cung cấp được giấy giao đất của Ban nông hội như ông trình bày. Ban nông hội giao đất cho gia đình ông H là thửa đất phía Bắc hiện gia đình ông H đang sinh sống chứ không phải cấp thửa đất đang tranh chấp. Ông H nói cán bộ địa chính đo đạc không thông báo cho gia đình ông biết là không có cơ sở vì khi đo đạc gia đình ông H sử dụng thửa đất gần đôi diện không thể nói không biết.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND huyện T không đồng ý hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T,

tỉnh Ninh Thuận về việc “*Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H, đất tọa lạc tại thôn L, xã C, huyện T*”.

Chủ tịch UBND huyện T đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Bùi Văn H trình bày:

Tôi giữ nguyên quan điểm về việc không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H về việc hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H, đất tọa lạc tại thôn L, xã C, huyện T*”.

Lý do: Thửa đất đang tranh chấp có diện tích 807m², thuộc thửa số 163a (tách từ thửa số 3) tờ bản đồ địa chính số 27 xã C, tại thôn L, xã C có nguồn gốc do cha tôi là ông Bùi Văn G khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1987. Sau khi cha tôi (ông G) chết năm 2002 thì để lại cho con là tôi (H) tiếp tục canh tác, sử dụng đến nay.

Tôi đồng ý với Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại thoại, tuy nhiên, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án bác các yêu cầu của người khởi kiện. Hôm nay, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Căn cứ Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của người bị kiện – ông Diệp Minh X.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H về việc hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H, đất tọa lạc tại thôn L, xã C, huyện T*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày, ý kiến tranh luận của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định:

Ông Đỗ Văn H khởi kiện Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và ông H được quyền khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Vụ án thuộc trường hợp: *“Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai”*.

Căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Xét các yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H:

[2] *Về hình thức của Quyết định số 652/QĐ-UBND:*

Ông Đỗ Văn H có đơn tranh chấp đất đề ngày 11/9/2016, ông Bùi Văn H đơn tranh chấp đất đề ngày 21/11/2016. UBND xã C nơi có đất tranh chấp đã tổ chức hòa giải nhưng không thành, vụ việc được chuyển lên UBND huyện T giải quyết.

Ngày 12/6/2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T có Báo cáo số 114/BC-PTNMT về kết quả xác minh và đề xuất hướng giải quyết vụ tranh chấp đất giữa ông Đỗ Văn H và ông Bùi Văn H.

Ngày 21/6/2017, Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 652/QĐ-UBND về việc *“Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H, đất tọa lạc tại thôn L, xã C, huyện T”*.

Như vậy, Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 202, khoản 3, khoản 4 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[3] *Về nội dung của Quyết định số 652/QĐ-UBND:*

Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Ninh Thuận giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H với nội dung:

1. Không công nhận việc ông Đỗ Văn H tranh chấp quyền sử dụng diện tích 807m², thuộc thửa đất số 163a (tách từ thửa đất số 03), tờ bản đồ địa chính 27 xã C, tại thôn L, xã C, huyện T với ông Bùi Văn H.

Lý do: Diện tích 807m² thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 27 xã C có nguồn gốc do ông Bùi Văn G (cha ông H) khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay. Sau khi ông Bùi G chết năm 2002 thì để lại cho con trai là ông Bùi Văn H tiếp tục sử dụng đến nay.

...

Xét thấy:

[4] Về diện tích đất tranh chấp: Ông Đỗ Văn H trình bày, gia đình ông tranh chấp đất với gia đình ông Bùi G diện tích 1.482m². Tuy nhiên, trong Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017, Chủ tịch UBND huyện T chỉ giải quyết tranh chấp đất giữa ông Đỗ Văn H và ông Bùi Văn H (con ông G) diện tích 807m² thuộc

một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 27 xã C, do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết đối với diện tích 807m² đất tranh chấp.

[5] Tại thôn L, khoảng thời gian từ năm 1976-1990, Ban nông hội xã P (hiện nay tách thành xã P và xã C; thửa đất ông Đỗ Văn H và ông Bùi Văn H tranh chấp tọa lạc tại địa phận xã C) cấp (giao) đất cho một số hộ dân để sản xuất, trong đó, có gia đình bà Nguyễn Thị H (mẹ ông H). Gia đình bà H canh tác trồng hoa màu nhưng do thời tiết không thuận lợi, đến khoảng năm 1990-1992 thì gia đình bà H chuyển sang làm nghề biển và bỏ không đất rẫy.

Cùng thời gian Ban nông hội giao đất cho một số hộ dân thì ông Bùi Văn G (cha ông Bùi Văn H) cũng khai hoang và sử dụng đất tại thửa đất bên cạnh, tiếp giáp đất nhà ông H về phía Nam. Gia đình ông G sử dụng đất từ năm 1987. Năm 1997, Nhà nước tiến hành đo đạc bản đồ địa chính, toàn bộ diện tích đất ông G khai hoang được đo đạc quy chủ thành thửa số 03, tờ bản đồ số 27 xã P (nay là xã C) tổng diện tích là 15.551m² loại đất màu, chủ sử dụng là ông Bùi Văn G. Cùng thời gian này gia đình bà Nguyễn Thị H cũng được đo đạc và quy chủ sử dụng thửa đất số 93a, tờ bản đồ số 22 xã P (nay là xã C). Hai thửa đất nhà ông G và bà H có ranh giới cách nhau là một con đường đất. Năm 2002, ông G chết để lại cho các con sử dụng đất, trong đó ông Bùi Văn H được để lại 3.000m² đất tiếp tục sử dụng.

Năm 2016, khi ông Đỗ Văn H phát sinh tranh chấp đất với ông Bùi Văn H, UBND xã C đã tổ chức thẩm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các bên tranh chấp, trong đó xác nhận: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp do ông Bùi Văn G khai hoang năm 1980 và để lại một phần cho con trai là ông Bùi Văn H vào năm 2000.

Ông Đỗ Văn H trình bày: Năm 1997, cán bộ địa chính xã P tổ chức đo đạc đất để quy chủ mà không thông báo cho gia đình nhà ông biết để làm thủ tục kê khai. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc trình bày của ông H là không có căn cứ, bởi lẽ, gia đình ông H là người địa phương, cư trú và sinh sống tại xã C, thửa đất gia đình ông H đang sử dụng giáp ranh thửa đất đang tranh chấp với ông H bằng con đường đất. Vì vậy, ông H không thể nói gia đình ông không biết việc UBND xã đo đạc quy chủ đất cho các hộ dân.

Ông Đỗ Văn H trình bày: Thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc do Ban nông hội giao đất cho gia đình ông. Tuy nhiên, ông H không cung cấp được giấy giao đất của Ban nông hội. Phía UBND huyện T khẳng định, Ban nông hội cấp đất cho gia đình ông H là thửa đất phía Bắc hiện gia đình ông H đang sinh sống chứ không phải cấp thửa đất đang tranh chấp.

Ông Đỗ Văn H trình bày: Năm 1992, ông Bùi G qua nhà gia đình ông H mượn 03 sào đất (3.000m²) để sản xuất nông nghiệp (trong đó có diện tích 807m² đang tranh chấp). Tuy nhiên, ông H cũng không cung cấp được các giấy tờ theo Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và các chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất theo điểm a khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Gia đình ông H cũng không có quá trình sử dụng thửa đất đang tranh

chấp để đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, diện tích 807m² thuộc một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 27 xã C có nguồn gốc do ông Bùi Văn G (cha ông Bùi Văn H) khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Chủ tịch UBND huyện T giải quyết không công nhận việc tranh chấp đất cho ông Đỗ Văn H là có cơ sở.

[6] Từ các nội dung trên, xét thấy, Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện T được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung phù hợp quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H về việc hủy quyết định này là không có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa và đề nghị của người bị kiện – Chủ tịch UBND huyện T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Bùi Văn H.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, ông Đỗ Văn H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 211, Điều 213 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Điều 100; Điều 101, Điều 202, khoản 3, khoản 4 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H về việc hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn H với ông Bùi Văn H, đất tọa lạc tại thôn L, xã C, huyện T*”.

2. Về án phí:

Ông Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013845 ngày 06/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Ông Đỗ Văn H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ngày tuyên án 28/5/2018./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND cấp cao tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Phòng KTNV – THA;
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Các đương sự; Người đại diện;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Lập